

Số: **170** /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày **12** tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2022;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh năm 2023 các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Cổng thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



GIÁM ĐỐC



La Phúc Thành

THUYẾT MINH
Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi
ngân sách nhà nước năm 2023

(Kèm theo Quyết định 170/QĐ-STC ngày 12 tháng năm 2023 về công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Về tình hình thực hiện thu NSNN:

Tổng thu NSNN trên địa bàn HĐND tỉnh giao đầu năm 9.926 tỷ đồng, thu đạt 11.357 tỷ đồng, vượt 14% dự toán HĐND tỉnh giao (gọi chung là dự toán), giảm 11% so với cùng kỳ (gọi chung là giảm), chủ yếu giảm nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu phí trước bạ và thuế bảo vệ môi trường. Cụ thể như sau:

a. Thu nội địa: Dự toán đầu năm giao 9.360 tỷ đồng, thu đạt 10.599 tỷ đồng, vượt 13% dự toán và giảm 12%. Cơ bản hầu như các khoản thu đều đạt và vượt dự toán giao. Cụ thể:

- Thu nội địa (không gồm thu tiền sử dụng đất, xô số kiến thiết):

Có 9/15 khoản thu vượt dự toán giao. Trong đó, một số khoản thu vượt dự toán và tăng cao so với cùng kỳ như thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 4.370 tỷ đồng, vượt 41% dự toán, tăng 26%; thu phí lệ phí vượt 24% dự toán, tăng gấp 2,4 lần nhờ nguồn thu phí tham quan di tích tăng; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, tăng 87% dự toán, tăng 15%; thu khác vượt 2 lần dự toán, tăng 6%; thu tại xã vượt 27% dự toán, tăng%. Một số khoản thu vượt dự toán giao nhưng giảm so với cùng kỳ như thu thuế thu nhập cá nhân vượt 11% dự toán, giảm 13%; thu tiền thuê đất vượt 3,9 lần dự toán do dự kiến trong tháng cuối năm phát sinh khoản thu tiền thuê đất 01 lần của dự án Kim Long Motor và khoản ghi thu ghi chi, giảm 69%.

Các khoản thu còn lại không đạt dự toán giao và có xu hướng giảm lớn so với cùng kỳ do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và việc thực hiện các chính sách giảm thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội¹, gồm: thu từ khu vực DNNN, bằng 87% dự toán, giảm 20%; thu thuế bảo vệ môi trường bằng 55% dự toán, giảm 13%; lệ phí trước bạ bằng 76% dự toán, giảm 33%.

¹ Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 về mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn; Nghị quyết số 101/2023/QH15 về giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng với nhiều mặt hàng có thuế suất 10% xuống còn 8%.

- Thu xô số kiến thiết đạt 132 tỷ đồng, vượt 20% dự toán và tăng 69% so với cùng kỳ.

- Thu tiền sử dụng đất đạt 1.580 tỷ đồng, bằng 79% dự toán giao, giảm 45%.

b. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

Thu đạt 679 tỷ đồng, bằng 122% dự toán và tăng 8% cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Thuế xuất khẩu, nhập khẩu là 114 tỷ đồng, tăng so với dự toán chủ yếu từ mặt hàng xuất khẩu mới có thuế suất cao, giá trị lớn như cát silic; trong khi đó, các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm như dăm gỗ, clinker.

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu là 561 tỷ đồng, chủ yếu tập trung một số mặt hàng như menfrit, sản xuất sợi, than, linh kiện ô tô, nhựa đường, than.

c. Thu huy động, đóng góp:

Dự toán giao là 11 tỷ đồng, thu đạt 78 tỷ đồng, vượt 7 lần dự toán.

2. Về chi NSDP:

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 14.522 tỷ đồng, ước cả năm đạt 14.154 tỷ đồng, bằng 97,5% so với dự toán địa phương giao năm 2023; chưa đạt dự toán chủ yếu do giải ngân vốn chương trình mục tiêu quốc gia và vốn đầu tư công. Trong đó:

a. Chi đầu tư phát triển:

Dự toán giao đầu năm là 3.218 tỷ đồng, dự kiến cả năm, giải ngân vốn đầu tư phát triển đạt 3.008 tỷ đồng, bằng 93% dự toán; cơ bản các nguồn vốn đều đạt tiến độ giải ngân; riêng vốn vay lại dự kiến chỉ đạt 78% dự toán do một số dự án mới đủ điều kiện giao vốn vào những tháng cuối năm.

UBND tỉnh đã yêu cầu các chủ đầu tư nghiêm túc khẩn trương đẩy nhanh việc giải ngân vốn, phân đầu đảm bảo tỷ lệ giải ngân hết các nguồn vốn đã được giao; đặc biệt là nguồn vốn kéo dài thanh toán từ năm 2022 chuyển sang, góp phần phát huy hiệu quả nguồn vốn vừa tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b. Chi thường xuyên:

Dự kiến cả năm chi thường xuyên đạt 8.213 tỷ đồng, tăng 6,2% so với dự toán chủ yếu là do tăng chi thực hiện cải cách tiền lương theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng và tăng chi các chính sách, chế độ theo quy định.

Trong công tác điều hành chi ngân sách, UBND tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị phải đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; tuân thủ kỷ luật chi tiêu tài chính NSNN. Đồng thời, UBND tỉnh cũng đã đảm bảo nguồn chi trả chênh lệch tiền lương tăng thêm cho các bộ, công chức, người lao động theo Nghị

định 24/2023/NĐ-CP của Chính phủ; chi hỗ trợ cho các đối tượng chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán và ngày thương binh liệt sĩ; đảm bảo chi cho công tác phòng chống dịch bệnh và các đề tài, nhiệm vụ của các ngành.

Đối với một số nguồn vốn chưa phân bổ đầu năm cũng đã được phân bổ theo tiến độ thực hiện như bổ sung từ nguồn sự nghiệp y tế để mua sắm trang thiết bị đảm bảo hoạt động kiểm dịch y tế, phục vụ khám chữa bệnh và sửa chữa phòng khám (6,7 tỷ đồng); bổ sung cho các dự án quy hoạch (11,6 tỷ đồng); kinh phí đào tạo sau đại học (97 triệu đồng); hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết 20 của HĐND tỉnh (1.789 triệu đồng).

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.096.000	11.527.200	114	89
I	Thu cân đối NSNN	9.926.000	11.357.200	114	89
1	Thu nội địa	9.360.000	10.599.989	113	88
2	Thu từ đầu thô	0	0		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	555.000	678.969	122	108
4	Thu viện trợ	11.000	78.242	711	178
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	170.000	170.000	100	113
B	TỔNG CHI NSDP	14.301.331	14.001.819	98	119
I	Chi cân đối NSDP	11.201.731	11.233.830	100	119
1	Chi đầu tư phát triển	3.218.266	3.008.837	93	163
2	Chi thường xuyên	7.735.834	8.213.124	106	109
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	10.689	100	100
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	1.180	100	100
5	Dự phòng ngân sách	235.762	0	0	0
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	3.099.600	2.767.989	89	119
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	468.600	385.830	82	235
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	16.659	16.659	100	107

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
			DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	11.357.200	114	89
I	Thu nội địa	10.599.989	113	88
1	Thu từ khu vực DNNN	402.284	87	80
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.370.067	141	126
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.586.830	102	101
4	Thuế thu nhập cá nhân	510.121	111	87
5	Thuế bảo vệ môi trường	350.273	55	87
6	Lệ phí trước bạ	266.882	76	67
7	Thu phí, lệ phí	407.259	154	241
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.077.290	97	47
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	0		
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	29.885	187	115
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	1.580.791	79	55
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	465.518	388	31
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	1.096	55	44
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	77.031	154	110

10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	55.000	65.855	120	59
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	110.000	132.204	120	169
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	22.000	27.998	127	108
13	Thu khác ngân sách	160.000	325.895	204	106
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	555.000	678.969	122	108
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	479.000	561.645	117	108
2	Thuế xuất khẩu	63.000	64.344	102	107
3	Thuế nhập khẩu	13.000	49.939	384	103
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	1.563		1.396
6	Thu khác	0	1.476		356
IV	Thu viện trợ	11.000	78.242	711	100
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	8.977.600	10.292.376	115	87
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	8.977.600	10.292.376	115	87

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	14.301.331	14.001.819	98	119
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP	11.201.731	11.233.830	100	119
I	Chi đầu tư phát triển	3.218.266	3.008.837	93	163
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.188.266	3.004.738	94	165
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	4.099		
II	Chi thường xuyên	7.735.834	8.213.124	106	109
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.321.351	3.472.851	105	108
2	Chi khoa học và công nghệ	44.843	45.853	102	102
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	693.904	703.904	101	91
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	130.084	135.084	104	103
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	31.689	33.689	106	117
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.129	40.129	103	96
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	241.300	210.804	87	91
8	Chi sự nghiệp kinh tế	928.510	1.037.272	112	129
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.471.511	1.580.011	107	108

10	Chi bảo đảm xã hội		537.976	602.000	112	120
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay		10.689	10.689	100	100
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		1.180	1.180	100	8
V	Dự phòng ngân sách		235.762		0	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP		<u>3.099.600</u>	<u>2.767.989</u>	<u>89</u>	<u>119</u>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		663.223	331.612	50	80
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư		2.337.950	2.337.950	100	125
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên		98.427	98.427	100	224